dú shēng nǚ

独生女

noun · only daughter

Example Sentences

Tā shì jiā lǐ de dú shēng nǚ
她是家里的独 生 女。

She is the only daughter in the family.

Zuò wéi dú shēng nǚ tā cóng xiǎo shòu dào hěn duō guān ài
作为独 生 女，她从 小 受 到很多 关 爱。

As an only daughter, she received a lot of care since childhood.

Trace each character, then write the word on your own.

独 独 独 独 独 独 独 独 独 独 独

独

生 生 生 生 生 生 生 生

女 女 女 女 女 女